

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày 10-7-2018

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cương

2. Ông Lục Viết Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 10-7-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 20-4-2018 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo Q1 định hoãn phiên tòa số: 18/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 28-6-2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H (B), sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt).

+ Bị đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn GC, xã ĐK, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai bà Phạm Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Trần Đức T từ năm 1983, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Do lâu ngày bà đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau. Ông T nóng tính thường xuyên chửi bới xúc phạm, đánh đập bà H nhiều lần. Đến ngày 5/4/2016 bà H đã phải đi xuống Bắc Ninh ở với con trai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà H xin ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Trần Thị Q, sinh ngày 02/8/1984, Trần Đức Q1, sinh ngày 24/02/1985 hiện nay các con đã có gia đình riêng và trưởng T bà H không yêu cầu giải quyết về nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác bà H không yêu cầu giải quyết.

Tại bản lấy lời khai của ông Trần Văn T trình bày: Ông kết hôn cùng bà H vào tháng 4/1983 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK do sơ xuất ông đã làm mất giấy đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông nóng tính bà H thì không khéo ăn nói, trong cuộc sống hàng ngày có chuyện nhỏ nhặt trong gia đình không vừa ý bà H nói vài ba câu ông không nhịn được đã đánh bà H. Mỗi khi đánh vợ xong ông cũng biết là sai nhưng do nóng tính không kìm chế được bản thân nên ông đánh bà H. Nay bà H xin ly hôn ông không đồng ý với lý do vợ chồng tuổi đã cao con các đã trưởng T vì vậy ông xin về đoàn tụ để vợ chồng dựa nhau lúc tuổi già.

Về con chung: Như bà H trình bày là đúng các con nay đã lớn, trưởng T có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác. Nếu bà H kiên quyết xin ly hôn thì để vợ chồng ông tự phân chia ông không yêu cầu giải quyết .

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà H, ông T kết hôn năm 1983 cả hai đều khẳng định có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK nay đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Chính quyền địa phương cũng xác định có đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của bà H, ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 luật hôn nhân và gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H không khéo ăn nói, ông T nóng tính thường xuyên chửi bới, đánh đập bà H, đã nhiều lần được gia đình, chính quyền địa phương can thiệp nhưng ông T vẫn không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay bà H xin ly hôn xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được bà H xin ly hôn là có cơ sở cần căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị H.

Về con chung; tài sản; công nợ Bà H, ông T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí chi H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về Tố tụng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện bị đơn ông Nguyễn Văn T không đến tham gia hòa giải vào ngày 21/5/2018, không đến tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 28/6/2018; Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phạm thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H kết hôn với ông T vào tháng 4-1983, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2010 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà H không khéo ăn nói, ông T thì hung cục nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Ông T đã nhiều lần đánh bà H mặc dù đã được gia đình, làng xóm hòa giải phân tích đúng sai nhưng ông T vẫn chứng nào tật đấy không thay đổi. Đến tháng 4/2016 do ông T đánh bà H nên bà H đã bỏ nhà về Bắc Ninh chung sống với con trai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H với ông T đến nay không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H xin ly hôn ông T là có căn cứ ly hôn theo điều 56 luật hôn nhân gia đình. Cần chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị H

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Bà H, ông T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

Q1 ĐỊNH

1. Về điều luật: Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 57 luật hôn nhân gia đình; Điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị Q1

số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho bà Phạm Thị H (B) được ly hôn ông Trần Đức T (Trần Văn T).

3. Về tiền án phí: Bà Phạm Thị H (B) phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai số: 0004180, ngày 20/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận bà H đã nộp đủ án phí

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã ĐK.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh